

Bản án số: **627/2024/DS-PT**

Ngày: 11-12-2024

V/v “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/11/2024 và ngày 11/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 459/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 592/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Trần Dương M, sinh năm 1981 (Có mặt);

2.2. Mai Thị B, sinh năm 1977 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:** Chị N và vợ chồng anh Trần Dương M, chị Mai Thị B là hàng xóm, quen biết nhau. Chị N bán cà phê gần nhà vợ chồng anh M, chị B. Từ trước đến nay các bên không phát sinh mâu thuẫn hay tranh chấp gì. Tuy nhiên, từ tháng 12 năm 2022 thì anh M và vợ là chị B nhiều lần kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị N một cách vô cớ, cụ thể các lần như sau:

+ Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 02/12/2022, chị B đứng trước nhà chị N lớn tiếng nói: “Tao thấy chồng tao ở trong nhà mà đi ra, có chồng mà ở đây tao nói cho mà mang nhục, mà cầm cái miệng lại; T nói cho mà khỏi bùng cà phê qua lại ngang nhà tao; Tao nói xấu mà, tao chấp nhận bỏ ra 5-10 triệu đồng bồi thường danh dự cho mà”. Do chị B nói lớn nên có nhiều người hàng xóm xung quanh đều nghe như chị Hai G, chị T1 (em chị G), thiếu Ú, chú H,...

+ Chị B nói chị N nhắn tin cho chị B với nội dung hẹn chồng chị B là anh M qua huyện T tỉnh Long An uống cà phê;

+ Chị B nói chồng chị B là anh M đưa chị N 500.000 đồng chị N không nhận mà đưa lại cho chị B;

+ Anh M nhắn tin vào số điện thoại của chồng chị N là anh Lê Bảo K nói là chị N nhờ anh M vay dùm số tiền 10.000.000 đồng của chị L là chị họ của anh M, kêu chị N trả tiền cho anh M;

+ Chiều ngày 28/01/2023 anh M đến nhà chị N nói là anh M có hỏi tiền của chị L dùm chị 10.000.000 đồng, anh M kêu chị N trả tiền. Chị N nói là không nhờ anh M hỏi tiền dùm, chị cũng hỏi chị L và chị L nói không có. Anh M chửi chị N, nên chị N có gọi điện thoại báo cho Công an xã A, khi Công an đến thì anh M vẫn la hét, chửi và xúc phạm chị N;

+ Sáng ngày 29/01/2023 chị N mang cà phê ngang nhà anh M thì anh M cầm cái len (xéng) ra trước cổng và nói: “Cho mà ăn cái len nè, cho mà đi đào mỏ”. Chị N về nhà lấy điện thoại di động để quay video lại làm bằng chứng, anh M thấy chị N dùng điện thoại quay thì anh M giật điện thoại của chị nhưng không giật được. Sự việc anh M chửi chị N thì có nhiều người chứng kiến như anh Tư N1, anh Út T2, chú Út H, anh Tám T3,...và cha ruột anh M;

+ Chị B nhiều lần đe dọa chị N là gặp chị ở đâu thì sẽ đòi nợ ở đó, chị B nói sẽ thuê người đập xe chị N ngoài đường gây tai nạn;

Tất cả các sự việc trên chị N đều có đơn trình báo với Ban N3 và Công an xã A. Công an Xã đã mời vợ chồng anh M, chị B đến làm việc để giáo dục nhưng sau khi làm việc với Công an Xã thì anh M, chị B vẫn tiếp tục chửi, xúc phạm chị N. Vì là hàng xóm gần nhà nên mỗi lần thấy chị N thì vợ chồng chị B đều chửi. Trong quá trình Công an xã A đang xem xét đơn thì vợ chồng anh M vẫn tiếp tục chửi, xúc phạm chị N nên chị có gọi điện trình báo và gửi đơn rất nhiều lần cho

Công an Xã. Đối với sự việc chị B chửi chị N nói là thấy chồng chị B từ trong nhà chị N đi ra thì ông Nguyễn Văn P - Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp A có xác minh đối với người làm chứng là bà Trần Thị G1 và bà Nguyễn Thị N2, cả hai đều chứng kiến chị B chửi chị N và không có chuyện chồng chị B là anh M từ trong nhà chị đi ra. Chị N cho rằng đây là lý do chị B dựng chuyện để xúc phạm chị. Tại biên bản hòa giải ngày 16/12/2022 chị B thừa nhận có nói nhưng không thừa nhận sai. Cán bộ Xã cũng giải thích hành vi của vợ chồng anh M là vi phạm pháp luật nhưng vợ chồng anh M không thừa nhận lỗi sai của mình và không đồng ý xin lỗi chị. Sau khi xác minh sự việc thì Công an Xã đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã A để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh M, chị B mỗi người 2.500.000 đồng. Chị N cho rằng quyết định xử phạt của chị N đã được Ủy ban xã A thu hồi.

Nay chị Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu chị Mai Thị B và anh Trần Dương M bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín do bị xâm phạm cho chị với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn chị Mai Thị B trình bày: Vào năm 2022 thì giữa chị B và chị Nguyễn Thị Ánh N xảy ra mâu thuẫn do liên quan đến chuyện tiền bạc. Chị B có đến nhà gặp anh K là chồng chị N để nói chuyện thì chị N có chửi chị là “Đĩ chó”, anh K có la chị N chửi vậy là bậy. Chị B có nói với anh K “Chị N chửi chị vậy anh thấy sao, chị N khui thì tôi khui luôn, anh K la chị N nghe, chửi nhiều mang nhục nhiều vì tôi thấy chồng tôi ở trong nhà anh đi ra”. Anh K im lặng, chị N lại chửi chị B những lời thô tục nên chị đi về. Sau đó, chị B vô tình xem điện thoại của chồng chị là anh M thì phát hiện đoạn ghi âm chị N và anh M hẹn gặp nhau nhưng do chị B không về nên anh M và chị N không gặp nhau như hẹn, chồng chị điện thoại cho chị N (đoạn ghi âm chị B có lưu trong điện thoại) và tin nhắn từ số điện thoại +84379698977 nhắn tin cho anh M với nội dung “Thoi a đi làm đi nhớ giữ gìn sk nhe a”. Số điện thoại này là của chị N. Sau đó, chị B có nói với chị N là “Bà Nguyệt ơi, tôi và bà là bạn mà sao bà lại nhắn tin như vậy với chồng tôi” và chị B có đưa đoạn ghi âm cho N nghe thì chị N giật mình và còn hỏi chị B là sao có đoạn ghi âm này, chị B trả lời là máy điện thoại của chồng chị không lẽ chị không có.

Tại UBND xã A chị N còn chửi chị với những lời lẽ khiếm nhã. Trước đây chị B và N là bạn bè chơi thân, chị N có nhờ vợ chồng chị B hỏi mượn tiền dùm 10.000.000 đồng, chị N đóng lãi được 02 tháng, việc nhờ mượn tiền và đóng lãi thì không làm giấy tờ vì nghĩ là bạn bè. Sau khi chị N không đóng lãi nữa thì chị B có nói với chồng chị là anh M nhắn tin cho chồng chị N là anh K để nhắc đóng lãi thì anh K có nói là chị N mượn thì kiếm chị N. Việc mượn 10.000.000 đồng chị chưa khởi kiện vì lúc đó chị N chuẩn bị đi Hàn Quốc. Trong vụ án này chị B không yêu cầu phản tố đối với số tiền 10.000.000 đồng, chị B sẽ kiện thành vụ kiện khác. Đến thời điểm này chị B vẫn không ký biên bản vi phạm và cũng không

nộp phạt. UBND xã A cũng có phạt chị N về hành vi chửi và xúc phạm chị B. UBND xã A có đề nghị chị B ký nộp phạt sự việc liên quan nói chị N mượn 10.000.000 đồng mà không có chứng cứ và xúc phạm chị N nhưng chị B không đồng ý ký biên bản phạt, vì việc chị N mượn tiền vợ chồng chị B thì chị có đoạn ghi âm chị N điện cho anh M kêu mượn tiền (hiện nay đoạn ghi âm đang lưu trong máy điện thoại của anh M, do anh M đang đi thả vịt ở xa nên chưa cung cấp cho Tòa án được). Về nội dung chị B đứng ở nhà nói “Đồ ăn giựt”, chị B không hề nêu tên ai, sao chị N biết là chị B chửi chị N, vậy là chị N có tịch (liên quan) mới nghĩ là chị B chửi chị N. UBND xã A cũng không giao quyết định xử phạt cho vợ chồng chị B, nên vợ chồng chị không biết. Việc anh M có đưa tiền 500.000 đồng cho chị N hay không thì chị B không biết, do chị N cầm 500.000 đồng đến nhà trả cho chị B nói là anh M đưa chị N đồ xăng, chị B có nói là anh M đưa thì giữ đi, sau đó chị N cầm tiền đi về. Việc chị N cho rằng chị B nói sẽ thuê người đập xe chị N ngoài đường gây tai nạn là hoàn toàn không có. Chị N làm đơn thưa đến UBND xã A, có mời vợ chồng chị B đến làm việc, UBND Xã đã động viên hai bên hòa giải cho xong giữ tình làng xóm nhưng chị N không đồng ý mà nộp đơn khởi kiện lên Tòa án huyện Tân Hồng. Tại Tòa án thì các bên thống nhất vợ chồng chị B viết cam kết ngày 10/3/2023 và chị N rút đơn, sau đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng chị B cứ nghĩ sự việc như vậy là xong nên vợ chồng chị đi chờ vịt, lâu lâu mới về nhà một lần. Từ đó vợ chồng chị B không xúc phạm gì đến chị N nữa.

Nay chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị B, anh M bồi thường thì vợ chồng chị không đồng ý.

- Bị đơn anh Trần Dương M vắng mặt và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo ngày 22/8/2024 yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị N. Căn cứ kháng cáo là: Vợ chồng anh Trần Dương M, chị Mai Thị B đã xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị N, cụ thể: Ngày 02/12/2022 chị B đã vu khống chị N, nói thấy anh M trong nhà chị N đi ra; Chị B nói chị N nhắn tin hẹn anh M qua huyện T, tỉnh Long An uống cà phê; Chị B nói chị N là đồ ăn giựt số tiền 10.000.000 đồng do chị N nhờ anh M vay dùm... điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị N và hạnh phúc gia đình chị N. Chị N yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét đầy đủ tài liệu chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án để giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chị Mai Thị B và anh Trần Dương M trình bày: Chị B và anh M không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của chị N, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi vì, chị B và anh M không có lời nói hay hành động xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị N như trình bày của chị N. Ngược lại, chị N còn có lời lẽ thô tục chửi chị B và anh M. Do các bên cự cãi, xúc phạm nhau và có lời lẽ không đúng, nên cả ba người đều bị UBND xã A xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 2.500.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ánh N; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 574/PB-VKS-DS ngày 11/12/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*” là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn

Thị Ánh N không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc chị N nộp đơn kháng cáo ngày 22/8/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N cho rằng từ tháng 12 năm 2022 vợ chồng anh Trần Dương M, chị Mai Thị B nhiều lần kiểm chuyện chửi bới một cách vô cớ và có những lời lẽ thiếu chuẩn mực, không đúng sự thật xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị N, nên chị N khởi kiện yêu cầu chị B và anh M phải bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín cho chị N với số tiền là 15.000.000 đồng. Bị đơn chị Mai Thị B và anh Trần Dương M cho rằng vào năm 2022 thì giữa chị B và chị N xảy ra mâu thuẫn liên quan đến việc anh M cho chị N vay tiền và việc chị N nhắn tin cho anh M qua điện thoại, làm cho chị B nghi ngờ quan hệ tình cảm giữa chị N với anh M, nên giữa chị B, anh M với chị N thường xảy ra mâu thuẫn, do các bên có lời lẽ không chuẩn mực, chửi nhau qua lại gây mất trật tự địa phương, nên chị N và anh M, chị B đều bị UBND xã A xử phạt hành chính. Chị B và anh M không thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị N do các bên đều xúc phạm, nhân phẩm, uy tín lẫn nhau và đều có lỗi. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Chị Nguyễn Thị Ánh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của chị Mai Thị B, anh Trần Dương M hoàn toàn có lỗi đã xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín chị N và chính hành vi của chị B, anh M đã gây ra hậu quả làm chị N bị thiệt hại nghiêm trọng về danh dự, nhân phẩm, uy tín, đồng thời chị N cũng chưa đưa ra đủ căn cứ về cơ sở phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chị B, anh M.

- Theo Công văn số 137/CV-UBND ngày 17/4/2024 của UBND xã A cung cấp thông tin cho Tòa án như sau: “UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có ban hành 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC và số 36/QĐ-XPHC cùng ngày 20/02/2023 về hành vi được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 7 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ đối với anh Trần Dương M và chị Mai Thị Bích ...; Căn cứ trích lục kết hôn số 112/TLKH-BS ngày 17/4/2024 thì anh Trần Dương M và chị Mai Thị B có đăng ký kết hôn tại UBND xã A” và theo Công văn số 215/CV-UBND ngày 07/6/2024 của UBND xã A thể hiện nội dung: “UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPHC ngày 22/02/2023 đối với chị Nguyễn Thị Ánh N về hành vi được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 7 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Hiện nay quyết định này vẫn còn giá trị pháp lý”. Qua các văn bản cung cấp thông tin của UBND xã

A, cho thấy khi xảy ra sự việc mâu thuẫn thì anh M, chị B và chị N đều bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng hành vi vi phạm tại điểm a, khoản 3, Điều 7 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, các quyết định nêu trên hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý.

- Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có cung cấp cho Tòa án đoạn video về việc chị B có những lời lẽ khiếm nhã, xét thấy tuy chị B không nêu cụ thể người chị B đang chửi và xúc phạm là ai nhưng hành vi của chị B là không đúng chuẩn mực, không được pháp luật cho phép và không phù hợp thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, nên chị B cần điều chỉnh hành vi và rút kinh nghiệm cho bản thân. Đối với anh Trần Dương M trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm thì anh M đều vắng mặt, không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án điều này thể hiện anh M chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, căn cứ vào tài liệu do chị N cung cấp khi khởi kiện thì có Biên bản xác minh của Tổ trưởng Tổ hòa giải là ông Nguyễn Văn P đối với bà Nguyễn Thị G2 và bà Nguyễn Thị N2 cùng ngày 12/12/2022 thì bà G2 và bà N2 cũng xác nhận là chị N có chửi chị B.

- Tại phiên tòa sơ thẩm chị N thừa nhận đoạn tin nhắn từ số điện thoại +84379698977 nhắn vào điện thoại của anh M là từ số điện thoại của chị N và tin nhắn đó là chị N nhắn nhưng chị N cho rằng chị nhắn cho một người quen nhưng nhắn nhầm vào số điện thoại của anh M. Tuy nhiên, chị N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc nhắn nhầm. Ngoài ra, chị N cũng thừa nhận khi phát sinh mâu thuẫn thì chị N có chửi chị B một lần và vợ chồng chị B, anh M cũng chửi lại chị N nhiều hơn.

- Xét giữa chị N với chị B, anh M khi xảy ra mâu thuẫn thì các anh chị không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hay có cách ứng xử phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nhưng các bên lại có lời lẽ không chuẩn mực, chửi nhau qua lại, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín với nhau gây mất trật tự địa phương, nên chị N và anh M, chị B đều bị UBND xã A xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật. Nên xác định các bên đều có lỗi khi xảy ra mâu thuẫn.

Căn cứ vào Công văn số 250/UBND-NC ngày 13/6/2024 của UBND huyện T và Công văn số 679/CAH-TH ngày 18/6/2024 của Công an huyện T đều xác định không tiếp nhận đơn thưa hoặc khiếu nại của anh Trần Dương M, chị Mai Thị B và chị Nguyễn Thị Ánh N đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC, số 36/QĐ-XPHC cùng ngày 20/02/2023 và số 39/QĐ-XPHC ngày 22/02/2023, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là phù hợp.

Đối với các hình ảnh mà chị N cung cấp cho Tòa án thể hiện nhà chị N bị tạt sơn, chất bẩn nhưng chị N không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trong vụ án và chị N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh

ai đã tạt sơn, chất bẩn vào nhà của chị nên Tòa án sơ thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu có căn cứ chứng minh đối tượng đã tạt sơn, chất bẩn vào nhà của chị N thì chị có thể thu thập tài liệu, chứng cứ để trình báo với cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và trật tự an toàn xã hội. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà chị B cho rằng chị N vay (mượn) của vợ chồng chị, do chị B không yêu cầu trong vụ án này, nên Tòa án sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Khi nào các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của chị N là không có đủ căn cứ, đồng thời chị N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên kháng cáo của chị N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ánh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ánh N.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:
Chị Nguyễn Thị Ánh N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSWA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi